

Bản án số: 883/2020/HS-PT
Ngày: 20/11/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Vũ Thị Thu Thủy.**

Các Thẩm phán: **Ông Phạm Năng Thành
Bà Đặng Thị Thanh Huyền.**

- T ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Huy - T ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thu Hà - Kiểm sát viên.

- Ngày 20 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 747/2020/TLPT-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Doãn Thị T do có kháng cáo của Doãn Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 111/2020/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Doãn Thị T**, sinh năm 1974 tại Yên Mỹ, Hưng Yên. Đăng ký hộ khẩu Tòng trú và nơi ở : Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/12; Con ông: Doãn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị G (tức Gi, đã chết); Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:

1. Anh Nguyễn Dương N, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn P, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội;

2. Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1972. Nơi cư trú: C, T, huyện Thanh T, thành phố Hà Nội.

(*Đều vắng mặt- Không triệu tập*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10h00' ngày 08/01/2020, T đang ăn trưa cùng với L tại bến xe Gia M, Hà Nội thì Nguyễn Dương N, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Phan Xá, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội, là bạn quen biết ngoài xã hội với T, sử dụng số điện thoại 0988623xxx gọi số điện thoại 0867636xxx của T đặt vấn đề tìm 03 gái bán dâm cho N và được T đồng ý. Sau đó, T cùng L đi đến vườn hoa Gia M gặp L. T rủ L đi bán dâm, L đồng ý. Theo sự chỉ dẫn của N thì T, L, L đi xe taxi đến trước cửa khách sạn Minh Cường, địa chỉ: Nghĩa Lại, Uy Nỗ, Đông Anh, thì N gọi T, L, L vào quán cơm Thu Nga ở đường Đào Duy Tùng, N, U, Đ do chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1971; Nơi cư trú: N, U, Đ, làm chủ. Khi vào trong quán, N mời T, L, L ngồi ăn cơm cùng N, Nguyễn Văn M, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Đa Hội, Châu Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh và Nguyễn Văn A, sinh năm 2001; Hộ khẩu Tờng trú: Kính Nỗ, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội, bạn N. Khi ăn cơm, M hỏi T “*bây giờ anh đi với em nào, giá bao nhiêu tiền*” T chỉ tay về phía L và giờ 03 ngón tay lên ý nói 300.000 đồng; M hỏi “*thế tiền công như thế nào*” T nói tiền công là 200.000 đồng và giờ 2 ngón tay lên. Sau đó, M rút 01 tờ 500.000 đồng đưa cho T, T cầm tiền cất vào trong túi xách, lấy 300.000 đồng (gồm ba tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng) đưa cho L. Sau đó, M và L đi bộ đến nhà nghỉ Đông Anh I, địa chỉ: Nghĩa Lại, Uy Nỗ, Đông Anh gặp Phạm Ngọc K, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Nghĩa Lại, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội, là chủ sở hữu, thuê phòng. Anh Kiều làm thủ tục khai báo đối với M và L. Anh K cho M và L thuê phòng 204. M và L vào phòng 204 thực hiện hành vi mua bán dâm.

Sau khi M và L đi. N đến chỗ T hỏi “*em kia như thế nào*”, T giờ 4 ngón tay lên, ý nói 400.000 đồng. N đồng ý lấy 400.000 đồng đưa cho T thì T chỉ tay về phía L ý nói đưa cho L. N cầm tiền đưa cho T, T cầm 400.000 đồng đưa cho L. L cầm tiền nói “*sao chỉ có 400.000 đồng, còn tiền taxi*”, T bảo N “*thế anh trả tiền taxi, 120.000 đồng*”, N lấy 120.000 đồng đưa cho L. N hỏi T: “*thế tiền công của em thế nào*”. T trả

lời: “Anh cho em bao nhiêu thì cho”. N lấy tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng đưa cho T. Sau đó, khi đi ra cửa quán T trách N cho ít tiền nên xin N thêm 100.000 đồng. N đồng ý và đưa cho T 100.000 đồng, T cầm tiền bảo L đi với anh N. N và L đến nhà nghỉ Thùy 36, địa chỉ: Nghĩa Lại, Uy Nỗ, Đông Anh gặp Phạm Thị Hoàng, sinh năm 1983; Nơi cư trú : Cầu Cả, Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội - là người quản lý cơ sở, thuê phòng. Chị Hoàng làm thủ tục khai báo cho N và L rồi cho thuê phòng 202. N và L vào phòng 202 để thực hiện hành vi mua bán dâm.

T và Nguyễn Văn A ở quán cơm. T bảo A đi quan hệ tình dục. Do chê T già nên A không đi và ngồi đợi ở quán cơm.

Hồi 13h30’ cùng ngày, lực lượng Công an thị trấn Đông Anh - Công an huyện Đông Anh làm nhiệm vụ kiểm tra phòng 204, nhà nghỉ Đông Anh I, phát hiện Nguyễn Văn M đang quan hệ tình dục với Nguyễn Thị L.

Hồi 13h50’ cùng ngày, lực lượng Công an thị trấn Đông Anh làm nhiệm vụ kiểm tra tại phòng 202, nhà nghỉ Thùy 36 phát hiện N đang quan hệ tình dục với L.

Tại cơ điều tra M khai nhận mua dâm của L và N mua dâm của L qua T môi giới.

Cơ quan điều tra tạm giữ vật chứng:

- Của Doãn Thị T: 01 túi xách màu đen bên trong có: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh, bên trong lắp sim 1 số 0867636674; lắp sim 2 số 0865633160; Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng)

- Của Nguyễn Thị L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu đen, bên trong lắp số sim 0359076074; Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và 01 bao cao su nhãn hiệu EROS PRATA vỏ màu xám đen.

- Của Nguyễn Thị Thanh L: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 520.000 đồng (năm trăm hai mươi nghìn đồng); 02 bao cao su nhãn hiệu Vip. (Trong đó 01 bao cao su chưa sử dụng; 01 bao cao su đã sử dụng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng, bên trong lắp sim số 0862283618.

- Của Nguyễn Dương N: 01 điện thoại Nokia 105, bên trong lắp số sim 0988623130.

- Cửa Phạm Thị H (quản lý nhà nghỉ Thùy 36) gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; 01 giấy chứng đủ điều kiện về an ninh trật tự; 01 Biên bản kiểm tra xác nhận đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy; 01 sổ ghi khách lưu trú (bản phô tô công chứng).

- Cửa Phạm Ngọc K (chủ cơ sở nhà nghỉ Đông Anh 1) gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; 01 giấy chứng đủ điều kiện về an ninh trật tự; 01 Biên bản kiểm tra xác nhận đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy; 01 sổ ghi khách lưu trú (bản chính).

Bản án hình sự sơ thẩm số: 111/2020/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Doãn Thị T phạm tội “*Môi giới mại dâm*”.

Áp dụng Điểm d, đ Khoản 2 Điều 328, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Doãn Thị T 45 (bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/8/2020 bị cáo Doãn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và bị cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa: bị cáo Doãn Thị T đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi đánh giá tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hình thức*: Đơn kháng cáo của bị cáo là đúng về chủ thể kháng cáo và

còn trong thời hạn kháng cáo nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bị cáo Doãn Thị T đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét kháng cáo bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Căn cứ các lời khai của bị cáo Doãn Thị T tại cơ quan điều tra (từ bút lục số 72 đến 85), tại phiên Tòa sơ thẩm (thể hiện tại biên bản phiên tòa bút lục số 228 đến 231) bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như Kết luận điều tra, Cáo trạng, Bản án sơ thẩm phù hợp với lời khai của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Dương N, chị Nguyễn Thị Thanh L, chị Nguyễn Thị L, phù hợp với người làm chứng, Biên bản kiểm tra, vật chứng đã thu giữ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10h00' ngày 08/01/2020 tại Nghĩa Lại, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội, Doãn Thị T đã có hành vi môi giới Nguyễn Thị L bán dâm cho Nguyễn Văn M và Nguyễn Thị Thanh L bán dâm cho Nguyễn Dương N, thu lời bất chính số tiền 350.000 đồng thì bị phát hiện, bắt giữ.

Ngoài ra, Doãn Thị T và khách mua dâm, gái bán dâm còn có lời khai về những lần T môi giới bán dâm trước ngày 08/01/2020, cụ thể:

Hồi 17h00' ngày 06/01/2020, tại Nghĩa Lại, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội, Doãn Thị T có hành vi môi giới Nguyễn Thị Thanh L bán dâm cho Nguyễn Văn M được 400.000 đồng, My (không rõ nhân thân, lai lịch) bán dâm cho Nguyễn Dương N được 400.000 đồng, thu lời bất chính số tiền 400.000 đồng. Lần môi giới bán dâm này gái bán dâm là L và khách mua dâm là M cùng có lời khai thống nhất về việc bán mua dâm nhưng không nhớ địa điểm bán dâm. Người khách cùng đi mua dâm là N có lời khai thống nhất về hành vi môi giới mại dâm của T vào ngày 06/01/2020 cho N và M mua dâm của L và My. Gái bán dâm là My cơ quan điều tra không xác định được danh tính nhưng khách mua dâm là N chỉ rõ được địa điểm thực hiện hành vi mua bán dâm và thời gian thuê phòng nghỉ phù hợp với thời gian diễn ra hành vi môi giới mại dâm của T cũng như lời khai của những người liên quan, tài liệu chứng cứ thu thập được nên đủ cơ sở kết luận về hành vi môi giới mại dâm của T ngày 06/01/2020.

Do vậy xác định bị cáo T đã thực hiện hành vi môi giới mại dâm diễn ra trong hai ngày là 06/01/2020 và 08/01/2020 và mỗi lần bị cáo đều môi giới cho hai gái bán dâm thực hiện hành vi mua bán dâm nên xác định bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng tại điểm d, đ Khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 là: Phạm tội 02 lần trở lên; đối với 02 người trở lên.

Hành vi trên của bị cáo Doãn Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm” đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm d, đ Khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tội phạm trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, xâm phạm đến đạo đức xã hội, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, sức khỏe con người và là nguyên nhân làm lây truyền các loại vi rút gây bệnh truyền nhiễm đặc biệt là bệnh HIV/AIDS.

Bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng do coi Tờng pháp luật, tham lam tư lợi nên bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại cấp sơ thẩm bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết mới, tuy nhiên xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn không công việc làm nên giảm 1 phần hình phạt cho bị cáo.

Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị cáo Doãn Thị T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 111/2020/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo Doãn Thị T được chấp nhận 1 phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị cáo Doãn Thị T;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2020/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội về phần hình phạt.

Căn cứ: Áp dụng Điểm d, đ Khoản 2 Điều 328, Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Doãn Thị T 39 (ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Công an TP. Hà Nội;
- Chi cục T.H.A. DS Huyện Đông Anh;
- TAND huyện Đông Anh;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ THỊ THU THỦY